

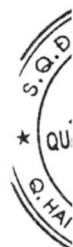
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SÀI GÒN - HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 24



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn – Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đỗ Quang Hiền	Chủ tịch
Ông Trần Minh Hoàng	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Lê	Thành viên
Bà Đinh Thị Tiểu Phương	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Minh Hoàng	Tổng Giám đốc
Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Nghị	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty quản lý quỹ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.



Trần Minh Hoàng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2013



Công ty TNHH Kiểm toán An Phú

Tầng 12, tòa nhà 167 Phố Bùi Thị Xuân
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel: +84 (4) 62 782 904
Fax: +84 (4) 62 782 905
www.anphugroup.com.vn

Số: 56/2013/AP-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 25/03/2013 và được trình bày từ trang số 04 đến trang số 24, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 và bản thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty đã được kiểm toán bởi một Công ty Kiểm toán khác. Trên báo cáo kiểm toán số 11-01-086 ngày 18/02/2012, kiểm toán viên đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày Báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty quản lý quỹ.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính các vấn đề sau:

- Ngày 05/9/2011, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 125/2011/TT-BTC (“Thông tư 125”) hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và có hiệu lực từ ngày 01/01/2012, thay thế cho Quyết định số 62/2005/QĐ-BTC ngày 14/9/2005 ban hành chế độ kế toán công ty quản lý quỹ. Công ty đã áp dụng Thông tư 125 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012. Theo đó, một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính đã được thay đổi. Do vậy, Công ty đã trình bày lại một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho mục đích so sánh. Chi tiết việc trình bày lại được thể hiện tại Thuyết minh số 27.
- Hoạt động kinh doanh năm 2012 của Công ty gặp khó khăn do ảnh hưởng khó khăn chung của nền kinh tế: Doanh thu chỉ đạt 3,7 tỷ đồng (năm 2011 là 5,7 tỷ đồng); kết quả kinh doanh năm 2012 của Công ty bị lỗ khoảng 6,3 tỷ đồng (năm 2011 Công ty bị lỗ khoảng 5,3 tỷ đồng). Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đang tiếp tục tìm kiếm các khách hàng mới nhằm tăng doanh thu, kiểm soát chi phí, triển khai các phương án đầu tư có hiệu quả trong tương lai.
- Như đã trình bày tại thuyết minh số 05 trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Tháng 10 năm 2012 Công ty đã hủy trước hạn hợp đồng thuê văn phòng tại địa điểm số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội; toàn bộ số tiền phạt do hủy Hợp đồng thuê văn phòng được Công ty phân bổ vào chi phí trong thời gian 6 tháng, theo đó trong số dư khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn có số tiền 298.254.000 đồng sẽ được Công ty phân bổ tiếp vào chi phí trong 3 tháng của năm 2013.



Vũ Bình Minh

Giám đốc

Chứng chỉ KTV số Đ.0034/KTV

Đoàn Thu Hằng

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 1396/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2012

MẪU SỐ B 01-CTQ
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150)	100		25.217.558.405	28.465.662.379
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	9.555.620.587	12.693.596.517
1. Tiền	111		2.555.620.587	291.860.406
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.000.000.000	12.401.736.111
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	11.412.878.346	11.504.442.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		11.413.340.158	11.590.587.812
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(461.812)	(86.145.812)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.524.844.833	3.905.820.376
1. Phải thu của khách hàng	131		294.429.328	3.766.899
2. Trả trước cho người bán	132		28.551.642	49.639.697
4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134		3.115.092.646	3.007.932.767
5. Các khoản phải thu khác	135	6	132.915.538	844.481.013
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(46.144.321)	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		724.214.639	361.803.486
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	557.913.154	24.340.556
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		89.245.885	89.245.885
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		77.055.600	248.217.045
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		46.658.670.773	50.991.039.504
II. Tài sản cố định	220		570.648.422	1.057.279.520
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	527.880.422	993.127.520
- Nguyên giá	222		1.550.521.660	2.271.381.540
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.022.641.238)	(1.278.254.020)
3. Tài sản cố định vô hình	227	9	42.768.000	64.152.000
- Nguyên giá	228		106.920.000	106.920.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(64.152.000)	(42.768.000)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	45.770.937.549	49.160.371.110
3. Đầu tư dài hạn khác	258		47.599.796.087	55.365.642.188
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(1.828.858.538)	(6.205.271.078)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		317.084.802	773.388.874
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	184.234.802	16.688.874
3. Tài sản dài hạn khác	268		132.850.000	756.700.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		71.876.229.178	79.456.701.883

Các Thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31/12/2012

MẪU SỐ B 01-CTQ
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		2.767.906.927	3.706.650.018
I. Nợ ngắn hạn	310		2.767.906.927	3.538.650.018
2. Phải trả cho người bán	312		78.042.914	109.980.365
3. Người mua trả tiền trước	313		-	100.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	103.280.559	826.762.687
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12	2.006.387.773	1.152.718.855
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		580.195.681	1.449.088.111
II. Nợ dài hạn	330		-	168.000.000
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	168.000.000
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		69.108.322.251	75.750.051.865
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.951.343.840	8.951.343.840
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		70.583.270	70.583.270
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		86.395.141	6.728.124.755
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)	440		71.876.229.178	79.456.701.883

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31/12/2012

MẪU SỐ B 01-CTQ
Đơn vị tính: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006			
Trong đó:				
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		19.389.190.000	15.387.100.000
Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản				
7. lý quỹ	020		13.626.200.000	20.727.880.000
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030			
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031	23	3.494.169.927	696.199.838
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032		-	-
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040			
9.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041	24	585.102.524.763	2.562.737.681.561
9.2. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042		-	-
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050		474.280.193.568	477.871.462.993
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051		11.361.476.612	3.683.681.762

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2013

Người lập

Lại Thị Tuyết

Giám đốc tài chính

Nguyễn Diệu Trinh



Trần Minh Hoàng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

MẪU SỐ B 02-CTQ
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu	01	15	3.717.261.360	5.756.254.840
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		3.717.261.360	5.756.254.840
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	16	2 627 549 997	3 559 507 949
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		1.089.711.363	2.196.746.891
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	4 004 864 496	6 108 281 833
7. Chi phí tài chính	22	18	2 854 133 063	3 997 381 736
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	19	8 595 301 909	9 839 890 785
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(6.354.859.113)	(5.532.243.797)
10. Thu nhập khác	31		170 695 231	438 933 141
11. Chi phí khác	32		457 565 732	178 564 589
12. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động khác	40		(286.870.501)	260.368.552
13. Tổng lợi nhuận (lỗ) thuần trước thuế	50		(6.641.729.614)	(5.271.875.245)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(6.641.729.614)	(5.271.875.245)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	(1.107)	(879)

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2013

Người lập

Lại Thị Tuyết

Giám đốc tài chính

Nguyễn Diệu Trinh



BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

MẪU SỐ B 03-CTQ

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV và doanh thu khác	1	27.227.491.805	43.031.100.520
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(28.290.935.494)	(30.615.339.034)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(6.984.219.938)	(11.475.350.318)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	21.658.182.158	50.818.755.174
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(22.835.416.962)	(62.437.686.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(9.224.898.431)	(10.678.520.258)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	7.200.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.364.118.899)	(1.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	7.081.666.400	8.855.560.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.362.175.000	1.818.028.696
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	6.086.922.501	9.173.588.696
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(11.425.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(11.425.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(3.137.975.930)	(12.929.931.562)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	12.693.596.517	25.623.528.079
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	9.555.620.587	12.693.596.517

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2013

Người lập

Giám đốc tài chính

Lại Thị Tuyết

Nguyễn Diệu Trinh



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SÀI GÒN - HÀ NỘI
Tầng 7 Tòa nhà 165 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

MÃU SỐ B 05-CTQ
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.000.000.000	60.000.000.000	-	-	-	-	60.000.000.000	60.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	4.885.544.910	8.951.343.840	4.065.798.930	-	-	-	8.951.343.840	8.951.343.840
3. Quỹ dự phòng tài chính	1.400.000.000	70.583.270	1.670.583.270	3.000.000.000	-	-	70.583.270	70.583.270
4. Lợi nhuận chưa phân phối	33.411.665.395	6.728.124.755	-	26.683.540.640	-	6.641.729.614	6.728.124.755	86.395.141
Cộng	99.697.210.305	75.750.051.865	5.736.382.200	29.683.540.640	-	6.641.729.614	75.750.051.865	69.108.322.251

Chi tiết Giám của chỉ tiêu Lợi nhuận chưa phân phối năm 2011 như sau:

- Lỗ trong năm: 5.271.875.245 VND
- Trích lập các quỹ: 21.411.665.395 VND

Người lập

Lai Thi Tuyet

Giám đốc tài chính

Nguyễn Diệu Trinh

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2013



Trần Minh Hoàng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn – Hà Nội (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo giấy phép số 32/UBCK-GP ngày 24/4/2008 của Ủy ban Chứng khoán nhà nước. Giấy phép điều chỉnh số 55/GPĐC-UBCK ngày 28/11/2012. Vốn điều lệ của Công ty là 60.000.000.000 đồng tương đương 6.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đ/cổ phần.

Danh sách các cổ đông của Công ty chi tiết như sau:

Tên cổ đông	Số lượng CP	Giá trị	Tỷ lệ
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	624.000	6.240.000.000	10,4%
Công ty Tập đoàn T&T	732.000	7.320.000.000	12,2%
Công ty cổ phần Phát triển đô thị và khu công nghiệp cao su Việt Nam	480.000	4.800.000.000	8,0%
Công ty TNHH Quốc tế Sao Đỏ	420.000	4.200.000.000	7,0%
Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc-Vinacomin	300.000	3.000.000.000	5,0%
Các cổ đông khác	3.444.000	34.440.000.000	57,4%
Tổng cộng	6.000.000	60.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 7 Tòa nhà 165 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2012 là 17 người (năm 2011 là 22 người) trong đó có 7 người có Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ.

Ngành nghề kinh doanh: Quản lý quỹ đầu tư, Quản lý danh mục đầu tư và Tư vấn đầu tư.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các văn bản hướng dẫn, bổ sung hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của Công ty. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 tại Thuyết minh số 22.

Ngày 05/9/2011, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 125/2011/TT-BTC (“Thông tư 125”) hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và có hiệu lực từ ngày 01/01/2012, thay thế cho Quyết định số 62/2005/QĐ-BTC ngày 14/9/2005 ban hành chế độ kế toán công ty quản lý quỹ. Công ty đã áp dụng Thông tư 125 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012. Theo đó, một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính đã được thay đổi. Do vậy, Công ty đã trình bày lại một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho mục đích so sánh. Chi tiết việc trình bày lại được thể hiện tại Thuyết minh số 27.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

- Giá thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở khớp lệnh tại ngày lập dự phòng (giá bình quân đối với cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh).
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết đang được giao dịch tự do trên thị trường chứng khoán phi tập trung (OTC) thì giá thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp tối thiểu bởi ba (3) công ty chứng khoán tại ngày lập dự phòng.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vốn vào công ty khác mà doanh nghiệp nắm giữ ít hơn 20% quyền biểu quyết và các khoản hợp tác đầu tư với thời hạn trên 12 tháng. Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác được trích lập khi kết quả hoạt động kinh doanh từ các công ty này bị lỗ theo các quy định hiện hành.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định của Thông tư 203/2009/TT - BTC của Bộ Tài chính ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 4

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ dụng cụ và các chi phí khác có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các khoản chi phí này được tập hợp vào các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 năm đến 03 năm theo quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, phí quản lý danh mục đầu tư, phí thường hoạt động. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi xác định được một cách chắc chắn và khách hàng chấp nhận thanh toán.

Lãi từ kinh doanh chứng khoán là phần chênh lệch giữa giá bán và trị giá vốn của chứng khoán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng và theo thông báo của ngân hàng.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, không có khoản tài sản hoặc công nợ nào được ghi nhận do không có các khoản chênh lệch tạm thời đáng kể nào giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

TY
IÁN
Y ĐAI
ÒN
ỢI
- TP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	110.465.400	100.118.300
Tiền gửi ngân hàng	2.445.155.187	191.742.106
Các khoản tương đương tiền (i)	7.000.000.000	12.401.736.111
Tổng cộng	9.555.620.587	12.693.596.517

(i): Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội và Ngân hàng Đầu tư và Phát Triển Campuchia - Chi nhánh Hà Nội với số tiền lần lượt là 5.000.000.000 VND và 2.000.000.000 VND.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	795.160	11.413.340.158	811.960	11.590.587.812
Trong đó:				
- Cổ phiếu niêm yết	3.160	18.540.158	60	767.812
+ Cổ phiếu Công ty Cổ phần địa ốc Sài Gòn Thương Tín	3.100	17.772.346	-	-
+ Cổ phiếu Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	60	767.812	60	767.812
- Cổ phiếu chưa niêm yết	792.000	11.394.800.000	811.900	11.589.820.000
+ Cổ phiếu Công ty Cổ phần Hóa dầu Dầu khí VIDAMO	400.000	6.010.000.000	400.000	6.010.000.000
+ Cổ phiếu Công ty Cổ phần dịch vụ kỹ thuật viễn thông	-	-	19.900	195.020.000
+ Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Công đoàn Việt Nam	392.000	5.384.800.000	392.000	5.384.800.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(461.812)		(86.145.812)
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần dịch vụ kỹ thuật viễn thông	-	-	19.900	(85.570.000)
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	60	(461.812)	60	(575.812)
Tổng cộng	795.160	11.412.878.346	811.960	11.504.442.000

(*): Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty không đủ căn cứ để xác định giá trị thị trường của các cổ phiếu chưa niêm yết, theo đó Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán các khoản đầu tư cổ phiếu này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-CTQ**
Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Ứng tiền cho Công ty CP Đầu tư Sóng Xanh	-	250.000.000
Cổ tức được nhận	646.800	160.646.800
Phải thu thuế thu nhập cá nhân	87.633.853	428.290.032
Phải thu khác	44.634.885	5.544.181
Tổng cộng	<u>132.915.538</u>	<u>844.481.013</u>

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Công cụ dụng cụ	116.899.421	11.500.552
Tiền thuê văn phòng	136.500.000	-
Chi phí trả trước khác (*)	304.513.733	12.840.004
Tổng cộng	<u>557.913.154</u>	<u>24.340.556</u>

(*): Bao gồm 298.254.000 đồng là số dư khoản tiền phạt do hủy hợp đồng thuê văn phòng trong nhiều năm trước hạn tại địa điểm số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Số tiền phạt do hủy hợp đồng thuê nhà trước thời hạn được Công ty phân bổ vào chi phí trong thời gian 6 tháng, số tiền chưa phân bổ nói trên sẽ được Công ty phân bổ tiếp vào kết quả kinh doanh trong 3 tháng của năm 2013.

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị dụng cụ quản lý</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 1/1/2012	655.123.600	898.250.300	718.007.640	2.271.381.540
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	623.003.600	-	97.856.280	720.859.880
Tại ngày 31/12/2012	<u>32.120.000</u>	<u>898.250.300</u>	<u>620.151.360</u>	<u>1.550.521.660</u>
KHẤU HAO LŨY KẾ				
Tại ngày 1/1/2012	425.295.011	314.387.600	538.571.409	1.278.254.020
Khấu hao trong năm	131.024.722	89.825.030	143.767.474	364.617.226
Giảm trong năm	529.553.059	-	90.676.949	620.230.008
Tại ngày 31/12/2012	<u>26.766.674</u>	<u>404.212.630</u>	<u>591.661.934</u>	<u>1.022.641.238</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2012	<u>229.828.589</u>	<u>583.862.700</u>	<u>179.436.231</u>	<u>993.127.520</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>5.353.326</u>	<u>494.037.670</u>	<u>28.489.426</u>	<u>527.880.422</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn đang sử dụng tại 31/12/2012 là 474.407.761 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 1/1/2012	106.920.000	106.920.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2012	106.920.000	106.920.000
KHẤU HAO LŨY KẾ		
Tại ngày 1/1/2012	42.768.000	42.768.000
Khấu hao trong năm	21.384.000	21.384.000
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2012	64.152.000	64.152.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2012	64.152.000	64.152.000
Tại ngày 31/12/2012	42.768.000	42.768.000

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công cụ dụng cụ	8.861.322	14.768.874
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng	1.440.000	1.920.000
Chi phí sửa chữa văn phòng	173.933.480	-
Tổng cộng	184.234.802	16.688.874

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	654.545	-
Thuế thu nhập cá nhân	102.626.014	826.762.687
Tổng cộng	103.280.559	826.762.687

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư dài hạn (*)	1.347.379	14.165.103.978	1.640.538	23.010.653.418
Trong đó:				
- Cổ phiếu niêm yết	776.759	6.346.736.638	818.938	12.682.486.078
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	776.759	6.346.736.638	359.750	4.704.586.078
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	-	-	459.188	7.977.900.000
- Cổ phiếu chưa niêm yết	570.620	7.818.367.340	821.600	10.328.167.340
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ mới	-	-	111.800	1.118.000.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Hồng	184.800	3.869.167.340	184.800	3.869.167.340
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Bộ nhớ điện tử	372.820	3.728.200.000	512.000	5.120.000.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng số 8	13.000	221.000.000	13.000	221.000.000
Đầu tư dài hạn khác		33.434.692.109		32.354.988.770
- Hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư Sóng Xanh theo thỏa thuận hợp tác đầu tư số 2010/HTĐT/SHF ngày 2/10/2010 (i)		8.233.703.339		7.154.000.000
- Hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư Sóng Xanh theo thỏa thuận hợp tác đầu tư số 2010/HTĐT/SHF ngày 01/12/2010 (ii)		4.880.000.000		4.880.000.000
- Hợp tác đầu tư với ông Nguyễn Ngọc Phúc (iii)		6.050.000.000		6.050.000.000
- Góp vốn vào Công ty Cổ phần chứng khoán Dầu khí (PSI) (iv)		14.270.988.770		14.270.988.770
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(1.828.858.538)		(6.205.271.078)
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	776.759	(1.763.858.538)	359.750	(2.582.061.078)
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam		-		(3.558.210.000)
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng số 8	13.000	(65.000.000)	13.000	(65.000.000)
Tổng cộng	1.347.379	45.770.937.549	1.640.538	49.160.371.110

(i): Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần đầu tư Sóng Xanh ("BWI") để mua lại quyền thuê đất nông nghiệp tại khu vực quận Long Biên, Hà Nội. Khu đất sẽ được lập dự án xin chuyển đổi thành đất ở đô thị.

(ii): Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần đầu tư Sóng Xanh ("BWI") để mua lại quyền khai thác 1.220 m² tại khu vực quận Long Biên, Hà Nội. Tổng số tiền mua khoảng 6,1 tỷ đồng. Quyền khai thác lô đất sẽ được chuyển nhượng lại cho nhà đầu tư khác hoặc xin chuyển đổi thành đất ở đô thị.

(iii): Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/TTGVDT/2011 ngày 03/01/2011 với ông Nguyễn Ngọc Phúc để mua lại quyền sử dụng đất và công trình trên đất thuộc khu đất có diện tích 103,2 m² tại số 1116 đường 3/2 phường 12, quận 11 thành phố Hồ Chí Minh. Tỷ lệ góp vốn mỗi bên là 50/50.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

(iv): Phản ánh giá trị của 1.159.000 cổ phiếu Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (mã chứng khoán PSI) theo Hợp đồng mua bán cổ phần số 86/HĐ2009/PSI-SHF ngày 06/10/2009, chiếm 1,94% vốn điều lệ của PSI. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí chưa có Báo cáo tài chính đã được kiểm toán; theo Báo cáo tài chính năm 2012 trước kiểm toán của PSI có lãi, theo đó Công ty không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính đối với khoản đầu tư dài hạn này tại ngày 31/12/2012.

(*): Là các khoản đầu tư cho mục đích dài hạn, Công ty không có kế hoạch chuyển nhượng các khoản đầu tư chứng khoán này trong thời gian 12 tháng tiếp theo. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty không đủ căn cứ để xác định giá trị thị trường của các cổ phiếu chưa niêm yết, theo đó Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán các khoản đầu tư cổ phiếu này.

13. PHẢI TRẢ PHẢI NỢP KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
BHXH, BHYT, BHTN	61.857	15.313.113
Kinh phí công đoàn	39.771.500	46.609.500
Cổ tức phải trả	600.000.000	600.000.000
Phải trả danh mục ủy thác	895.286.846	435.119.436
Các khoản phải trả phải nộp khác	471.267.570	55.676.806
Tổng cộng	2.006.387.773	1.152.718.855

14. CỔ PHẦN

	Năm 2012	Năm 2011
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>6.000.000</i>	<i>6.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>6.000.000</i>	<i>6.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (đồng)	10.000	10.000

15. DOANH THU

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu từ phí quản lý danh mục đầu tư	3.545.980.340	5.559.997.404
Doanh thu khác	171.281.020	196.257.436
Tổng cộng	3.717.261.360	5.756.254.840

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

16. CHI PHÍ KINH DOANH

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên	2.374.465.515	3.080.266.275
Chi phí khấu hao TSCĐ	52.865.459	72.606.221
Chi phí DV mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	200.219.023	406.635.453
Tổng cộng	<u>2.627.549.997</u>	<u>3.559.507.949</u>

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	831.563.552	2.502.908.832
Lãi đầu tư chứng khoán	2.410.304.544	2.391.548.783
Cổ tức, lợi nhuận được chia	762.175.000	1.050.828.696
Doanh thu tài chính khác	821.400	162.995.522
Tổng cộng	<u>4.004.864.496</u>	<u>6.108.281.833</u>

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
Lỗ đầu tư chứng khoán	7.113.962.361	3.028.368.248
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	(4.462.096.540)	969.013.488
Chi phí hoạt động đầu tư khác	202.267.242	-
Tổng cộng	<u>2.854.133.063</u>	<u>3.997.381.736</u>

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên	4.443.253.235	4.525.636.034
Chi phí khấu hao TSCĐ	333.135.767	354.140.262
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Dự phòng phải thu khó đòi	46.144.321	-
Chi phí DV mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	3.769.768.586	4.957.114.489
Tổng cộng	<u>8.595.301.909</u>	<u>9.839.890.785</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(6.641.729.614)	(5.271.875.245)
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	6.000.000	6.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.107)	(879)

21. THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>Năm 2012</u>
	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	2.598.282.027
Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản thuê hoạt động với lịch thanh toán dự kiến như sau:	
	<u>31/12/2012</u>
	VND
Trong vòng một năm	654.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	2.452.500.000
Sau năm năm	-
	<u><u>3.106.500.000</u></u>

14. GIAO DỊCH VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

SÓ DƯ BÊN LIÊN QUAN

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Phải thu		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	2.784.554.268	2.725.103.322
Phải trả khác		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	895.286.846	435.119.436

GIAO DỊCH BÊN LIÊN QUAN

	<u>Năm 2012</u>
	VND
Doanh thu từ phí quản lý danh mục đầu tư	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	2.269.656.331
Cổ tức được chia	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	320.975.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được nêu tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ 31/12/2012	Giá trị ghi sổ 01/01/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.555.620.587	12.693.596.517
Đầu tư ngắn hạn	11.412.878.346	11.504.442.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.496.293.191	3.856.180.679
Đầu tư dài hạn	45.770.937.549	49.160.371.110
Tài sản tài chính khác	132.850.000	756.700.000
Cộng	70.368.579.673	77.971.290.306
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	2.084.430.687	1.262.699.220
Công nợ tài chính khác	-	168.000.000
Cộng	2.084.430.687	1.430.699.220

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Quản lý rủi ro về giá

Công ty có rủi ro về giá cổ phiếu do thực hiện mua một số loại cổ phiếu nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan của thị trường cổ phiếu nhằm quản lý thời điểm mua cổ phiếu và bán cổ phiếu.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2012.

Công ty đã áp dụng quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009 để trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Theo đó, mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2012 là 46.144.321 đồng (tại ngày 31/12/2011 là 0 đồng).

Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại 31/12/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác	2.084.430.687	-	2.084.430.687
Tại 31/12/2011			
Phải trả người bán và phải trả khác	1.262.799.220	-	1.262.799.220

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.555.620.587	-	9.555.620.587
Đầu tư ngắn hạn	11.412.878.346	-	11.412.878.346
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.496.293.191	-	3.496.293.191
Đầu tư dài hạn		45.770.937.549	45.770.937.549
Tài sản tài chính khác		132.850.000	132.850.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

23. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

Số dư đầu năm	696.199.838
Tăng trong năm	587.748.707.609
Giảm trong năm	584.950.737.520
Số dư cuối năm	3.494.169.927

24. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	281.246.617.762	308.881.774.560
Cổ phiếu chưa niêm yết	164.937.640.000	124.937.640.000
Trái phiếu	135.418.267.001	2.125.418.267.001
Khác	3.500.000.000	3.500.000.000
Tổng cộng	<u>585.102.524.763</u>	<u>2.562.737.681.561</u>

25. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có bất kỳ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần điều chỉnh hoặc thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

26. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam. Do đây là năm đầu tiên Công ty áp dụng Thông tư 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn kế toán áp dụng đối với các công ty quản lý quỹ, theo đó một số số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được trình bày lại theo hướng dẫn mới cho mục đích so sánh.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ SÀI GÒN - HÀ NỘI
Tầng 7 Tòa nhà 165 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MÀU SỐ B 09-CTQ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31/12/2011

Chi tiêu	Mã số	Số trình bày	Chi tiêu	Mã số	Số trình bày lại
		VND			VND
I. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	11.590.587.812	I. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	11.504.442.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	11.590.587.812	1. Đầu tư ngắn hạn	121	11.590.587.812
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	-	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	(86.145.812)
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	53.406.596	II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	53.406.596
1. Phải thu khách hàng	131	53.406.596	1. Phải thu khách hàng	131	3.766.899
			2. Trả trước cho người bán	132	49.639.697
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	230	49.074.225.298	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	49.160.371.110
1. Chứng khoán kinh doanh	231	23.010.653.418	1. Đầu tư dài hạn khác	258	55.365.642.188
2. Đầu tư dài hạn khác	232	32.354.988.770	2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259	(6.205.271.078)
3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	233	(6.291.416.890)			
IV. Nợ ngắn hạn	310	110.080.365	IV. Nợ ngắn hạn	310	110.080.365
1. Phải trả cho người bán	312	110.080.365	1. Phải trả cho người bán	312	109.980.365
			2. Người mua trả tiền trước	313	100.000
V. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	75.750.051.865	V. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	75.750.051.865
1. Nguồn vốn kinh doanh	411	60.000.000.000	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	60.000.000.000
2. Lợi nhuận tích lũy	413	12.000.000.000	2. Quỹ đầu tư phát triển	417	8.951.343.840
3. Quỹ dự trữ	416	9.021.927.110	3. Quỹ dự phòng tài chính	418	70.583.270
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417	(5.271.875.245)	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	6.728.124.755

Người lập

Lại Thị Tuyết

Giám đốc tài chính

Nguyễn Diệu Trinh



Trần Minh Hoàng